

KINH PHÍ CHI TRẢ PHỤ CẤP ƯU ĐÃI CHO GIÁO VIÊN DẠY TRỄ KHUYẾT TẬT THÁNG 9/2023  
(THỰC HIỆN NGHỊ ĐỊNH SỐ 28/2012/NĐ-CP CỦA CHÍNH PHỦ)  
NĂM HỌC 2023 - 2024

ĐVT: đồng

| STT | Họ và tên giáo viên | Dạy môn | Số trẻ khuyết tật trong lớp | Hệ số lương theo ngạch, bậc | Hệ số phụ cấp lương |                             |                               |             |                 |                     |                         |                                            | Tiền lương 01 giờ dạy (Điều 4 Thông tư liên tịch số 07/2013/TTLT-BGDĐT-BNV-BTC) |                                | Hệ số 0,2 | Tổng số giờ thực tế giảng dạy | Phụ cấp ưu đãi phải trả cho giáo viên |         |                             |
|-----|---------------------|---------|-----------------------------|-----------------------------|---------------------|-----------------------------|-------------------------------|-------------|-----------------|---------------------|-------------------------|--------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|-----------|-------------------------------|---------------------------------------|---------|-----------------------------|
|     |                     |         |                             |                             | Hệ số PCC V         | % PC thâm niên vượt khung g | Hệ số PC thâm niên vượt khung | % PC ưu đãi | Hệ số PC ưu đãi | % PC thâm niên nghề | Hệ số PC thâm niên nghề | Tổng tiền lương của 12 tháng trong năm học | Định mức giờ dạy/năm                                                            | Số tuần dành cho giảng dạy/năm |           |                               |                                       | 52 tuần | Số tiền 01 giờ dạy          |
| A   | B                   | C       | D                           | 1                           | 2                   | 3                           | 4                             | 5           | 6               | 7                   | 8                       | $9=(1+2+4+6+8) \times 1.8000.000$<br>đ     | 10                                                                              | 11                             | 12        | $13=(9/10) \times (1/12)$     | 14                                    | 15      | $16=13 \times 14 \times 15$ |
| 1   | Trịnh Thị Chiến     | GV      | 1                           | 3,46                        |                     | 0%                          | -                             | 35%         | 1,21            | 14%                 | 0,48                    | 111.356,640                                | 805                                                                             | 35                             | 52        | 93.108                        | 0,2                                   | 22      | 409,673                     |
| 2   | Nguyễn Thị Hoa      | GV      | 1                           | 3,66                        |                     | 0%                          | -                             | 35%         | 1,28            | 18%                 | 0,66                    | 120.955,680                                | 805                                                                             | 35                             | 52        | 101.134                       | 0,2                                   | 38      | 768,615                     |
| 3   | Đặng Thị Thu Hương  | GV      | 1                           | 4,32                        |                     | 0%                          | -                             | 35%         | 1,51            | 23%                 | 0,99                    | 147.432,960                                | 805                                                                             | 35                             | 52        | 123.272                       | 0,2                                   | 57      | 1.405,297                   |
| 4   | Phạm Thị Thuý       | GV      | 1                           | 4,00                        |                     | 0%                          | -                             | 35%         | 1,40            | 16%                 | 0,64                    | 130.464,000                                | 805                                                                             | 35                             | 52        | 109,084                       | 0,2                                   | 24      | 523,601                     |
| 5   | Phạm Thị Duyên      | GV-TT   | 1                           | 2,67                        | 0,20                | 0%                          | -                             | 35%         | 1,00            | 0%                  | -                       | 83.689,200                                 | 805                                                                             | 35                             | 52        | 69,974                        | 0,2                                   | 65      | 909,665                     |
| 6   | Trần Thị Thuý Dung  | GV      | 1                           | 5,02                        |                     | 0%                          | -                             | 35%         | 1,76            | 23%                 | 1,15                    | 171.322,560                                | 805                                                                             | 35                             | 52        | 143,246                       | 0,2                                   | 72      | 2.062,747                   |
| 7   | Nguyễn Thị Phương   | GV      | 1                           | 3,96                        | -                   | 0%                          | -                             | 35%         | 1,39            | 20%                 | 0,79                    | 132.580,800                                | 805                                                                             | 35                             | 52        | 110,854                       | 0,2                                   | 44      | 975,511                     |
| 8   | Nguyễn Thành Thái   | GV      | 1                           | 2,06                        |                     | 0%                          | -                             | 35%         | 0,72            | 0%                  | -                       | 60.069,600                                 | 805                                                                             | 35                             | 52        | 50,225                        | 0,2                                   | 42      | 421,894                     |
| 9   | Nguyễn Thị Hằng     | GV      | 1                           | 3,66                        |                     | 0%                          | -                             | 35%         | 1,28            | 16%                 | 0,59                    | 119.374,560                                | 805                                                                             | 35                             | 52        | 99,812                        | 0,2                                   | 48      | 958,190                     |
| 10  | Vũ Thị Thoan        | GV      | 1                           | 3,96                        |                     | 0%                          | -                             | 35%         | 1,39            | 19%                 | 0,75                    | 131.725,440                                | 805                                                                             | 35                             | 52        | 110,138                       | 0,2                                   | 42      | 925,162                     |
| 11  | Phạm Thị Ngân-TP    | GV      | 1                           | 2,34                        | 0,15                | 0%                          | -                             | 35%         | 0,87            | 0%                  | -                       | 72.608,400                                 | 805                                                                             | 35                             | 52        | 60,709                        | 0,2                                   | 45      | 546,384                     |
| 12  | Nguyễn Hải Hậu      | GV      | 1                           | 4,68                        |                     | 0%                          | -                             | 35%         | 1,64            | 22%                 | 1,03                    | 158.708,160                                | 805                                                                             | 35                             | 52        | 132,699                       | 0,2                                   | 74      | 1.963,947                   |
| 13  | Lê Thị Huyền Trang  | GV      | 1                           | 3,00                        |                     | 0%                          | -                             | 35%         | 1,05            | 11%                 | 0,33                    | 94.608,000                                 | 805                                                                             | 35                             | 52        | 79,104                        | 0,2                                   | 72      | 1.139,093                   |
| 14  | Tăng Tổ Như         | GV      | 1                           | 5,36                        |                     | 0%                          | -                             | 35%         | 1,88            | 27%                 | 1,45                    | 187.557,120                                | 805                                                                             | 35                             | 52        | 156,820                       | 0,2                                   | 39      | 1.223,199                   |
| 15  | Phí Thị Thuý Trang  | GV      | 1                           | 3,33                        |                     | 0%                          | -                             | 35%         | 1,17            | 11%                 | 0,37                    | 105.014,880                                | 805                                                                             | 35                             | 52        | 87,805                        | 0,2                                   | 76      | 1.334,637                   |

| STT | Họ và tên giáo viên  | Dạy môn | Số trẻ khu vực tấp trôn g lớp | Hệ số lương theo ngạch, bậc | Hệ số phụ cấp lương |                             |                               |             |                 |                     |                         |                                            |                      |                                | Tiền lương 01 giờ dạy (Điều 4 Thông tư liên tịch số 07/2013/TTLT-BGDĐT-BNV-BTC) |                           |     | Hệ số 0,2 | Tổng số giờ thực tế giảng dạy | Phụ cấp ưu đãi phải trả cho giáo viên |
|-----|----------------------|---------|-------------------------------|-----------------------------|---------------------|-----------------------------|-------------------------------|-------------|-----------------|---------------------|-------------------------|--------------------------------------------|----------------------|--------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|-----|-----------|-------------------------------|---------------------------------------|
|     |                      |         |                               |                             | Hệ số PCC V         | % PC thâm niên vượt khung g | Hệ số PC thâm niên vượt khung | % PC ưu đãi | Hệ số PC ưu đãi | % PC thâm niên nghề | Hệ số PC thâm niên nghề | Tổng tiền lương của 12 tháng trong năm học | Định mức giờ dạy/năm | Số tuần dành cho giảng dạy/năm | 52                                                                              | Số tiền 01 giờ dạy        |     |           |                               |                                       |
| A   | B                    | C       | D                             | 1                           | 2                   | 3                           | 4                             | 5           | 6               | 7                   | 8                       | $9=(1+2+4+6+8)\times 1.8000.000$ đ         | 10                   | 11                             | 12                                                                              | $13=(9/10)\times (11/12)$ | 14  | 15        | $16=13\times 14\times 15$     |                                       |
| 16  | Nguyễn Thị Thu Hiền  | GV      | 1                             | 2,34                        |                     | 0%                          | -                             | 35%         | 0,82            | 0%                  | -                       | 68.234.400                                 | 805                  | 35                             | 52                                                                              | 57.052                    | 0,2 | 76        | 867.193                       |                                       |
| 17  | Nguyễn Thị Dung      | GV      | 1                             | 3,66                        |                     | 0%                          | -                             | 35%         | 1,28            | 15%                 | 0,55                    | 118.584.000                                | 805                  | 35                             | 52                                                                              | 99.151                    | 0,2 | 72        | 1.427.767                     |                                       |
| 18  | Nguyễn Thị Hương Lan | GV      | 1                             | 4,32                        |                     | 0%                          | -                             | 35%         | 1,51            | 23%                 | 0,99                    | 147.432.960                                | 805                  | 35                             | 52                                                                              | 123.272                   | 0,2 | 74        | 1.824.421                     |                                       |
| 19  | Vũ Thị Liên          | GV      | 1                             | 3,66                        |                     | 0%                          | -                             | 35%         | 1,28            | 11%                 | 0,40                    | 115.421.760                                | 805                  | 35                             | 52                                                                              | 96.506                    | 0,2 | 73        | 1.408.995                     |                                       |
| 20  | Nguyễn Minh Thủy     | GV-TP   | 1                             | 2,67                        | 0,15                | 0%                          | -                             | 35%         | 0,99            | 10%                 | 0,28                    | 88.322.400                                 | 805                  | 35                             | 52                                                                              | 73.848                    | 0,2 | 68        | 1.004.335                     |                                       |
| 21  | Nguyễn Thu Hằng      | GV      | 1                             | 2,34                        |                     | 0%                          | -                             | 35%         | 0,82            | 0%                  | -                       | 68.234.400                                 | 805                  | 35                             | 52                                                                              | 57.052                    | 0,2 | 35        | 399.365                       |                                       |
| 22  | Nguyễn Thuỷ Dương    | GV      | 1                             | 3,66                        |                     | 0%                          | -                             | 35%         | 1,28            | 11%                 | 0,40                    | 115.421.760                                | 805                  | 35                             | 52                                                                              | 96.506                    | 0,2 | 69        | 1.331.790                     |                                       |
| 23  | Vũ Thị Nga           | GV      | 1                             | 2,67                        |                     | 0%                          | -                             | 35%         | 0,93            | 9%                  | 0,24                    | 83.047.680                                 | 805                  | 35                             | 52                                                                              | 69.438                    | 0,2 | 72        | 999.905                       |                                       |
| 24  | Ngô Thu Thảo         | GV-TT   | 1                             | 4,00                        | 0,20                | 0%                          | -                             | 35%         | 1,47            | 13%                 | 0,55                    | 134.265.600                                | 805                  | 35                             | 52                                                                              | 112.262                   | 0,2 | 64        | 1.436.956                     |                                       |
| 25  | Nguyễn Thu Thủy      | GV      | 1                             | 4,00                        |                     | 0%                          | -                             | 35%         | 1,40            | 13%                 | 0,52                    | 127.872.000                                | 805                  | 35                             | 52                                                                              | 106.916                   | 0,2 | 60        | 1.282.997                     |                                       |
|     |                      |         |                               |                             |                     |                             |                               |             |                 |                     |                         |                                            |                      |                                |                                                                                 |                           |     | 1.423     | 27.551.340                    |                                       |

Bảng chữ Hai mươi bảy triệu, năm trăm năm mươi mốt nghìn, ba trăm bốn mươi đồng chẵn.

Ngày 24 tháng 10 năm 2023

Kế toán

Hiệu trưởng

Trần Thị Nền

